



MARKET INSIGHTS REPORTS

05.12.2024

THỊ TRƯỜNG BÙNG NỔ NGOÀI DỰ KIẾN



NỘI DUNG CHÍNH

03 - 04 CHUYÊN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

05 TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG

06 PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Ngày bùng nổ theo đà (FTD)

07 HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

07 CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

08 DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

08 TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ

09 BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Định giá P/E thị trường chứng khoán Mỹ từ năm 1989 trở lại đây

Dòng tiền vào quỹ tiền tệ Mỹ thiết lập kỷ lục mới

10 TTCK MỸ

Dự báo các chỉ số chính giao dịch sẽ giảm điểm vào phiên giao dịch tới nay.

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	452
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	347
Số cổ phiếu giảm giá	55
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	50

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	219
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	119
Số cổ phiếu giảm giá	49
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	51

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	374
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	181
Số cổ phiếu giảm giá	95
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	98

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	65,749.14	36,725.09	29,024.06
% KL toàn thị trường	7.24%	4.04%	
Giá trị	2,002,753	1,336,453	666,300
% GT toàn thị trường	9.52%	6.35%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	3,155.57	2,169.55	986.02
% KL toàn thị trường	7.24%	4.04%	
Giá trị	80,576	58,901	21,675
% GT toàn thị trường	5.17%	3.78%	

UPCOM

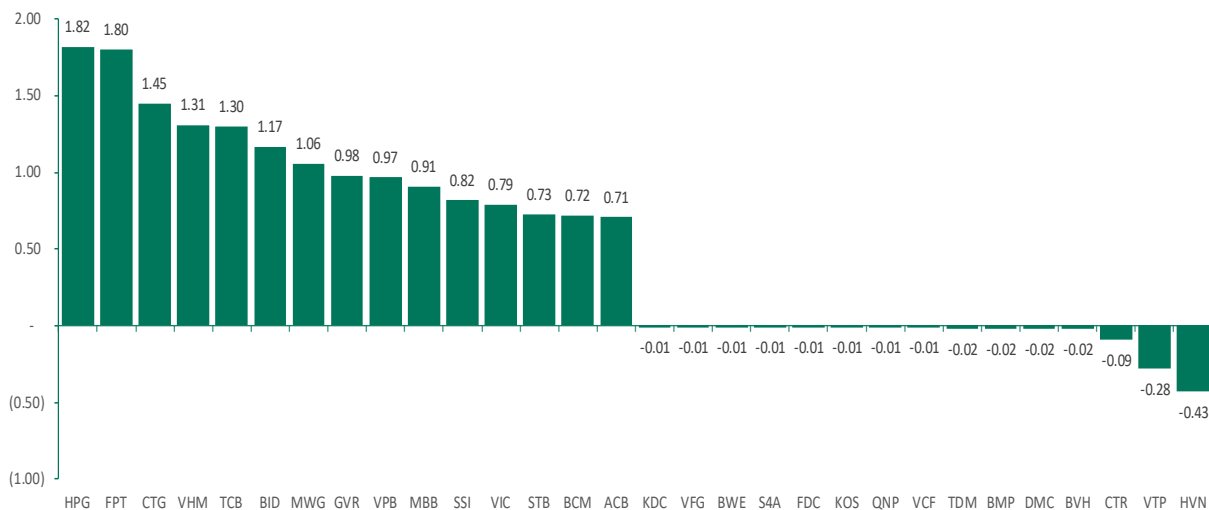
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	395.66	401.06	(5.40)
% KL toàn thị trường	0.75%	0.76%	
Giá trị	19,443	35,702	(16,259)
% GT toàn thị trường	2.01%	3.68%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	2,333,000	94,000	500 (0.53%)	15.18	2.76	6,194	525,375
2	BID	2,427,400	46,000	850 (1.88%)	10.95	1.89	4,201	262,220
3	FPT	4,849,200	148,500	5,000 (3.48%)	26.27	6.13	5,652	218,454
4	CTG	10,395,100	36,400	1,100 (3.12%)	8.82	1.39	4,128	195,468
5	HPG	44,746,700	27,850	1,150 (4.31%)	13.73	1.59	2,028	178,136
6	TCB	14,188,900	24,200	750 (3.2%)	4.61	1.18	5,254	170,490
7	VHM	4,852,800	41,400	1,300 (3.24%)	8.83	0.83	4,691	170,047
8	GAS	630,900	68,900	300 (0.44%)	14.26	2.71	4,831	161,410
9	VIC	3,370,100	40,850	850 (2.13%)	16.39	0.95	2,492	156,197
10	VPB	31,488,800	19,500	500 (2.63%)	11.61	1.09	1,679	154,712

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	+1.67%	+45.50%	1,600
Tài chính	+2.40%	+20.60%	104
> Tổ chức tín dụng	+2.06%	+22.27%	29
> Dịch vụ tài chính	+6.07%	+6.21%	62
> Bảo hiểm	+0.17%	+28.81%	13
Công nghiệp	-0.05%	+92.79%	388
> Vận tải	-0.52%	+131.34%	132
> Tư liệu sản xuất	+1.09%	+21.32%	212
> Dịch vụ chuyên biệt và thương mại	+1.26%	+144.69%	44
> Bất động sản	+2.62%	-0.93%	142
Tiêu dùng thiết yếu	+1.46%	+45.30%	162
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	+1.52%	+45.69%	155
> Đồ gia dụng và cá nhân	+0.30%	+29.88%	6
> Nguyên vật liệu	+2.71%	+19.88%	259
> Tiện ích	+0.41%	+4.84%	148
Tiêu dùng không thiết yếu	+2.14%	+29.92%	264
> Phân phối và bán lẻ hàng lâu bền	+2.37%	+35.18%	126
> Hàng tiêu dùng và trang trí	+1.67%	+24.87%	93
> Dịch vụ tiêu dùng	+0.68%	-8.02%	33
> Xe và linh kiện	+1.36%	-11.16%	12
Viễn thông	-2.54%	+301.00%	49
> Viễn thông	-2.75%	+373.04%	22
> Truyền thông giải trí	+2.18%	-28.01%	27
Công nghệ thông tin	+3.34%	+76.48%	14
> Phần mềm	+3.35%	+76.87%	7
> Phần cứng	+0.62%	+11.92%	5
> Bán dẫn	0%	+1.59%	2
> Năng lượng	+2.64%	+25.76%	21
Chăm sóc sức khỏe	-0.36%	+31.51%	49
> Dược phẩm - sinh học	-0.41%	+34.34%	44

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 27.12 điểm (+ 2.19%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Dịch vụ tài chính, phần mềm, nguyên vật liệu, năng lượng, bất động sản, phân phối bán lẻ hàng lâu bền, tổ chức tín dụng, xe và linh kiện, tư liệu sản xuất, tiện ích, bảo hiểm... là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như SSI, VCI, HCM, VIX, FTS, BSI, CTS, FPT, CMG, HPG, HSG, GVR, DGC, VGC, DPM, BSR, PVD, PVC, DXG, PDR, KBC, BCM, VRE, TCH, HDG, KDH, DIG, MWG, PLX, DGW, PNJ, FRT, VIB, CTG, TCB, VPB, STB, DRC, CSM, VEA, VCG, CTD, FCN, LCG, BIC, MIG, BMI ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) HCM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ RSI(14) thiết lập mốc cao mới gợi ý khả năng giá tiếp tục đi lên;
- ✓ Dải băng trên chưa mở ra hỗ trợ giá tăng – Tín hiệu cản trở đà tăng giá ngắn hạn;
- ✓ Doanh thu và lợi nhuận HCM ước đạt lần lượt là 3.300 tỷ đồng (tăng 46%) và 1.300-1.400 tỷ đồng (tăng 55%);
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(ii) FPT tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá thiết lập mốc cao mới trong 52 tuần – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu từ 163 – 169;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

(iii) HPG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ RSI(14) thiết lập mốc cao mới gợi ý khả năng giá tiếp tục đi lên;
- ✓ HPG cán vượt qua mốc kháng cự 28 để xác nhận xu hướng giảm giá trung hạn đã kết thúc;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 52%;

(iv) PVD tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ dương giữa giá và RSI(14) với mô hình hai đáy – Tín hiệu tích cực;
- ✓ RSI(14) thiết lập mốc cao mới gợi ý khả năng giá sẽ bứt phá;

- ✓ Cổ phiếu đang giao dịch dưới giá trị sổ sách;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

(v) DXG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Cổ phiếu đang hình thành sóng 5 tăng giá với mục tiêu 18 -21;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(vi) VIB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong quá trình hình thành sóng 5 tăng giá với mục tiêu 21 – 24;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 59%;

(vii) TCB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong quá trình hình thành sóng 3 tăng giá với mục tiêu 26 – 27;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 52%;

(2) Viễn thông, vận tải, được phẩm sinh học ... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như VGI, CTR, HVN, MVN, PHP, DVN, DMC... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VGI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng - Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 4 giảm giá với vùng giá mục tiêu 71 – 75;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(ii) CTR giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá vẫn vận động theo mô hình giá xuống trung hạn: Break Down kênh tăng giá trung hạn, giá tăng trở lại kiểm tra kênh tăng giá vừa phá vỡ và tiếp tục đi xuống. Về cơ bản đây là mẫu hình tiêu cực và NĐT đứng ngoài quan sát quá trình tạo đáy nếu có;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 58%;

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Long White Candle”. Khối lượng giao tăng và quay trở lại mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch tăng là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu tích cực.

Các điểm cần lưu ý:

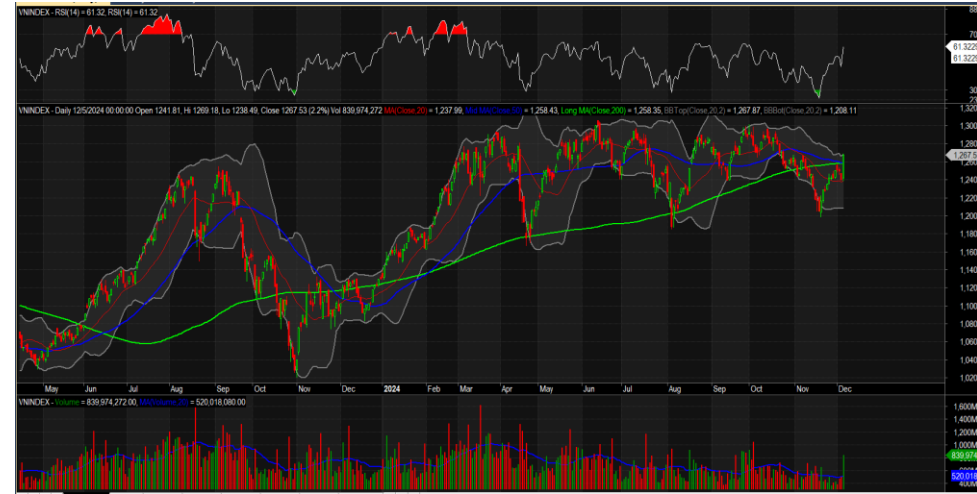
(i) NĐT nước ngoài mua ròng hơn 671 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: HPG, MSN, FPT, SSI, DXG, CTG, STB, TCB, VHC, PDR... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VCB, HSG, VTP, VNM, BID, KDH, HAH, MWG, VIC, VRE... Đã khá lâu rồi NĐT nước ngoài mới có phiên mua ròng nhiều như hôm nay và cùng với tự doanh mua ròng 1,000 tỷ trong phiên hôm nay thị trường đã có một phiên tăng giá mạnh.

(ii) VN-Index có phiên tăng giá ngoài dự kiến của phần đông NĐT và hôm nay có phải là một phiên FTD không cũng có nhiều tranh cãi. Đánh giá phiên giao dịch hôm nay như sau: (a) **FTD xuất hiện ngày 4-7 của đợt phục hồi**: xuất hiện ngày 12. (b) **Chỉ số tăng trên 1.2%**: chỉ số tăng 2.19% (đạt). (c) **Thanh khoản cao hơn ngày trước đó**: Thanh khoản cao hơn 66% so với phiên trước đó và cao hơn trung bình 20 phiên (đạt). (d) **Dòng tiền lan tỏa trên thị trường chỉ số không phải kéo do 1 vài cổ phiếu vốn hóa lớn**: Dòng tiền lan tỏa, số mã xanh (347) gấp 6 lần số mã đỏ (55), dòng tiền vào mạnh nhất ở ngành chứng khoán, nguyên vật liệu, ngân hàng (đạt). **Như vậy, về cơ bản so sánh các tiêu chí chúng ta có một ngày FTD. Xác suất đúng của FTD là 2/3, có nghĩa là vẫn có xác suất 33% thất bại, vì vậy cần đánh giá xem sau đó, thời gian vàng là 1-5 ngày sau FTD.**

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 16 mã cho tín hiệu mua, 02 mã cho tín hiệu bán, 12 mã cho tín hiệu đi ngang. ACB, BCM, BID... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 51% và 100% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ giảm điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 5. Hỗ trợ là 1,230 điểm và kháng cự là 1,300 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu PVD



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	486.31	483.06	489.56	NO	499.31	505.81	518.81	525.31	479.81	466.81	460.31	447.31
HNXINDEX	227.77	226.86	228.69	NO	231.43	233.26	236.92	238.75	225.94	222.28	220.45	216.79
UPIINDEX	92.7	92.57	92.82	NO	93.2	93.46	93.96	94.22	92.44	91.94	91.68	91.18
VN30	1323.61	1316.64	1330.58	NO	1351.49	1365.43	1393.31	1407.25	1309.67	1281.79	1267.85	1239.97
VNINDEX	1258.4	1253.83	1262.97	NO	1278.31	1289.09	1309	1319.78	1247.62	1227.71	1216.93	1197.02
VNXALL	2051.79	2051.79	2051.79	YES	2051.79	2051.79	2051.79	2051.79	2051.79	2051.79	2051.79	2051.79
VN30FIM	1331	1324	1338	NO	1359.8	1374.6	1403.4	1418.2	1316.2	1287.4	1272.6	1243.8
VN30FIQ	1334.87	1328.75	1340.98	NO	1361.23	1375.37	1401.73	1415.87	1320.73	1294.37	1280.23	1253.87
VN30F2M	1336	1329.5	1342.5	NO	1363.4	1377.8	1405.2	1419.6	1321.6	1294.2	1279.8	1252.4
VN30F2Q	1337	1330.5	1343.5	NO	1367.5	1385	1415.5	1433	1319.5	1289	1271.5	1241
BCM	67.07	66.6	67.53	NO	68.93	69.87	71.73	72.67	66.13	64.27	63.33	61.47
BID	46.03	46.05	46.02	YES	46.77	47.53	48.27	49.03	45.27	44.53	43.77	43.03
ACB	25.45	25.33	25.58	NO	25.95	26.2	26.7	26.95	25.2	24.7	24.45	23.95
BVH	52.17	52.3	52.03	NO	52.93	53.97	54.73	55.77	51.13	50.37	49.33	48.57
CTG	35.98	35.78	36.19	NO	36.92	37.43	38.37	38.88	35.47	34.53	34.02	33.08
GVR	30.98	30.8	31.17	NO	31.87	32.38	33.27	33.78	30.47	29.58	29.07	28.18
FPT	146.87	146.05	147.68	NO	150.13	151.77	155.03	156.67	145.23	141.97	140.33	137.07
GAS	69.07	69.15	68.98	NO	69.63	70.37	70.93	71.67	68.33	67.77	67.03	66.47
HDB	26.43	26.3	26.57	NO	26.97	27.23	27.77	28.03	26.17	25.63	25.37	24.83
HPG	27.37	27.13	27.61	NO	28.33	28.82	29.78	30.27	26.88	25.92	25.43	24.47
MBB	24.32	24.2	24.43	NO	24.83	25.12	25.63	25.92	24.03	23.52	23.23	22.72
MSN	73.07	72.75	73.38	NO	74.33	74.97	76.23	76.87	72.43	71.17	70.53	69.27
MWG	60.1	59.65	60.55	NO	62.1	63.2	65.2	66.3	59	57	55.9	53.9
PLX	40.43	40.35	40.52	NO	40.87	41.13	41.57	41.83	40.17	39.73	39.47	39.03
POW	12.43	12.4	12.47	NO	12.62	12.73	12.92	13.03	12.32	12.13	12.02	11.83
SAB	57.47	57.45	57.48	YES	58.03	58.57	59.13	59.67	56.93	56.37	55.83	55.27
SSB	17.07	17	17.13	NO	17.33	17.47	17.73	17.87	16.93	16.67	16.53	16.27
SHB	10.38	10.32	10.44	NO	10.62	10.73	10.97	11.08	10.27	10.03	9.92	9.68
SSI	25.02	24.67	25.36	NO	26.38	27.07	28.43	29.12	24.33	22.97	22.28	20.92
STB	33.4	33.13	33.67	NO	34.55	35.15	36.3	36.9	32.8	31.65	31.05	29.9
TCB	23.92	23.78	24.06	NO	24.48	24.77	25.33	25.62	23.63	23.07	22.78	22.22
VHM	41.13	41	41.27	NO	42.07	42.73	43.67	44.33	40.47	39.53	38.87	37.93
TPB	16.22	16.1	16.33	NO	16.68	16.92	17.38	17.62	15.98	15.52	15.28	14.82
VCB	93.87	93.8	93.93	YES	94.73	95.47	96.33	97.07	93.13	92.27	91.53	90.67
VIB	19.17	19.08	19.26	NO	19.53	19.72	20.08	20.27	18.98	18.62	18.43	18.07
VJC	102.3	101.95	102.65	NO	103.7	104.4	105.8	106.5	101.6	100.2	99.5	98.1
VIC	40.72	40.65	40.78	NO	41.13	41.42	41.83	42.12	40.43	40.02	39.73	39.32
VPB	19.27	19.15	19.38	NO	19.73	19.97	20.43	20.67	19.03	18.57	18.33	17.87
VRE	17.7	17.63	17.77	NO	18.05	18.25	18.6	18.8	17.5	17.15	16.95	16.6
VNM	64.07	63.95	64.18	NO	64.93	65.57	66.43	67.07	63.43	62.57	61.93	61.07

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
HPG	44,746,700	13,892,570	322	4.31
DXG	37,487,300	15,718,900	238	6.85
VIX	36,627,400	14,476,120	253	6.59
SSI	35,613,300	10,279,560	346.45	6.86
VND	32,342,600	6,112,590	529	4.53
VPB	31,488,800	12,247,230	257	2.63
SHS	17,355,300	4,043,160	429.25	7.75
PDR	17,335,400	6,228,730	278	6.86
BCG	16,694,400	5,825,570	287	1.78
DIG	16,331,900	5,981,740	273.03	3.96
VCI	15,133,000	3,634,490	416	6.92
HCM	14,899,200	5,760,400	259	6.83
SHB	14,896,000	6,237,260	239	2.94
HSG	13,894,400	4,285,970	324	3.01
STB	13,198,900	6,489,010	203.4	4.78
ORS	13,158,200	4,207,400	313	6.67
HDG	12,097,600	3,822,890	316	5.55
YEG	10,901,700	2,800,920	389	3.92
CTG	10,395,100	4,741,640	219	3.12
MBS	10,190,900	2,197,160	463.82	9.49
NKG	9,930,100	2,075,450	478	3.21
EVF	9,824,200	4,545,360	216	4.41
HDC	8,464,500	1,736,280	488	5.06
CEO	8,264,900	2,634,850	314	3.55
HNG	7,647,500	2,167,140	352.88	1.96
MST	6,419,100	2,608,550	246	9.68
FTS	5,862,500	1,467,650	399	6.96
DXS	5,633,300	2,133,710	264	2.64
BSR	5,601,100	2,057,040	272	2.56
KDH	3,812,000	1,770,480	215	1.37
ANV	3,310,100	1,217,120	272	6.89
VGI	3,019,300	1,464,230	206	-3.82
VDS	2,971,200	899,210	330	6.9
NHA	2,709,800	1,228,800	221	6.91
NTL	2,621,700	1,287,340	204	3.61
NRC	2,606,000	744,730	350	9.52
FUEMAV30	2,401,200	387,710	619	3.19
CTS	2,311,800	574,610	402	6.91
BCR	2,219,900	776,840	286	2.04
VTP	2,145,100	957,640	224	-6.96

- Lưu ý: HPG, DXG...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
5-Dec	HPG	Mua	≤ 28.2	10% -20%	Buy Kumo Break out
5-Dec	HCM	Mua	≤ 29.5	10% -20%	Buy Kumo Break out
5-Dec	PVD	Mua	≤ 24.5	10% -20%	Mô hình hai đáy với phân kỳ dương cảnh báo sự đảo chiều/Cổ phiếu giao dịch dưới giá trị sổ sách

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **MỞ MUA 03 CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 04/12, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.262 VND/USD, tăng 02 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán giao ngay được giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 23.400 VND/USD và 25.450 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 25.409 VND/USD, tăng nhẹ 04 đồng so với phiên 03/12. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 20 đồng ở chiều mua vào và 10 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 25.630 VND/USD và 25.730 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 04/12, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,05 – 0,08 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó; cụ thể: ON 4,14%; 1W 4,42%; 2W 4,60 và 1M 4,82%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 đpt ở các kỳ hạn ON và 1M trong khi tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 1W và đi ngang ở kỳ hạn 2W, giao dịch tại: ON 4,60%; 1W 4,67%; 2W 4,70%, 1M 4,75%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp biến động trái chiều; chốt phiên ở mức: 3Y 1,87%; 5Y 1,99%; 7Y 2,32%; 10Y 2,79%; 15Y 2,97%.
- Nghị vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 8.000 tỷ đồng, kỳ hạn 07 ngày, lãi suất ở mức 4,0%. Có 8.000 tỷ đồng trúng thầu. Có 9.999,94 tỷ đồng đáo hạn trên kênh này. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN ở 2 kỳ hạn 14 ngày và 28 ngày, đầu thầu lãi suất. Có 250 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 14 ngày, lãi suất ở mức 3,95%; 300 tỷ đồng tín phiếu trúng thầu ở kỳ hạn 28 ngày, lãi suất 4,0%. Có 600 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn. Như vậy, NHNN hút ròng 1.949,94 tỷ đồng từ thị trường qua kênh thị trường mở phiên hôm qua. Có 32.000 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố, có 25.430 tỷ đồng tín phiếu lưu hành trên thị trường.

Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và đề tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY



Định giá P/E thị trường chứng khoán Mỹ từ năm 1989 trở lại đây

S&P 500: Earnings Growth, Price Returns, TTM P/E Ratios (1989 - 2024)							
Year	S&P Operating EPS	% Change Operating EPS	S&P End Price	% Change S&P 500 (Price)	S&P 500 TTM P/E	P/E % Change	Multiple Expansion/Contraction
1989	24	0.8%	353	27.3%	14.5	26.4%	Expansion
1990	23	-6.9%	330	-6.6%	14.6	0.3%	Expansion
1991	19	-14.8%	417	26.3%	21.6	48.2%	Expansion
1992	21	8.1%	436	4.5%	20.9	-3.4%	Contraction
1993	27	28.9%	466	7.1%	17.3	-16.9%	Contraction
1994	32	18.0%	459	-1.5%	14.5	-16.6%	Contraction
1995	38	18.7%	616	34.1%	16.3	12.9%	Expansion
1996	41	7.8%	741	20.3%	18.2	11.6%	Expansion
1997	44	8.3%	970	31.0%	22.1	20.9%	Expansion
1998	44	0.6%	1229	26.7%	27.8	25.9%	Expansion
1999	52	16.7%	1469	19.5%	28.4	2.4%	Expansion
2000	56	8.6%	1320	-10.1%	23.5	-17.3%	Contraction
2001	39	-30.8%	1148	-13.0%	29.6	25.6%	Expansion
2002	46	18.5%	880	-23.4%	19.1	-35.3%	Contraction
2003	55	18.8%	1112	26.4%	20.3	6.4%	Expansion
2004	68	23.8%	1212	9.0%	17.9	-11.9%	Contraction
2005	76	13.0%	1248	3.0%	16.3	-8.8%	Contraction
2006	88	14.7%	1418	13.6%	16.2	-1.0%	Contraction
2007	83	-5.9%	1468	3.5%	17.8	10.0%	Expansion
2008	50	-40.0%	903	-38.5%	18.2	2.6%	Expansion
2009	57	14.8%	1115	23.5%	19.6	7.5%	Expansion
2010	84	47.3%	1258	12.8%	15.0	-23.4%	Contraction
2011	96	15.1%	1258	0.0%	13.0	-13.1%	Contraction
2012	97	0.4%	1426	13.4%	14.7	13.0%	Expansion
2013	107	10.8%	1848	29.6%	17.2	16.9%	Expansion
2014	113	5.3%	2059	11.4%	18.2	5.8%	Expansion
2015	100	-11.1%	2044	-0.7%	20.3	11.7%	Expansion
2016	106	5.8%	2239	9.5%	21.1	3.5%	Expansion
2017	125	17.2%	2674	19.4%	21.4	1.5%	Expansion
2018	152	21.8%	2507	-6.2%	16.5	-22.6%	Contraction
2019	157	3.6%	3231	28.9%	20.6	24.4%	Expansion
2020	122	-22.1%	3756	16.3%	30.7	49.3%	Expansion
2021	208	70.1%	4766	26.9%	22.9	-25.4%	Contraction
2022	197	-5.4%	3840	-19.4%	19.5	-14.8%	Contraction
2023	214	8.4%	4770	24.2%	22.3	14.6%	Expansion

Dòng tiền vào quỹ tiền tệ Mỹ thiết lập kỷ lục mới

Money Market Funds

Money Market Funds: Total Financial Assets, Level





Nike sẽ tiếp tục bứt phá ?



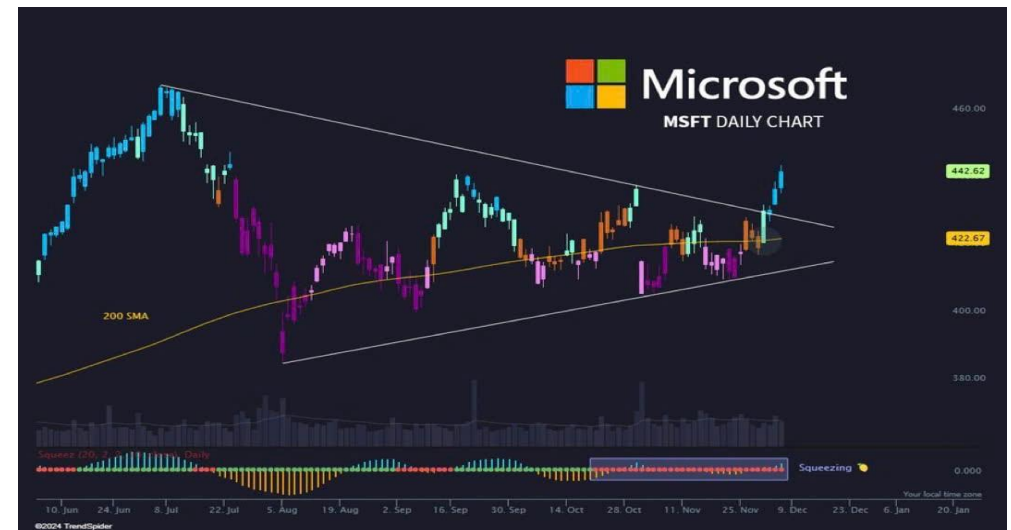
AMZN tiếp tục thiết lập mốc cao mới



Tesla vận động theo mô hình tam giác tăng giá ?



MSFT đã có Break out



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính giao dịch sẽ giảm điểm vào phiên giao dịch tối nay.

(*)**Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 Tổng đài: 1900 1811

 trungtamcskh@aas.com.vn

Mở tài khoản ngay

